

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DSST-ST

Ngày: 24/6/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bế Ngọc Hùng

2. Ông Vi Thanh Cầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 năm 2024 và ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01 ngày 19/4/2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 02 ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B**

Địa chỉ: Tòa nhà T, số B T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bình N – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP B chi nhánh tỉnh B. (Theo giấy ủy quyền số: 792A/2022/UQ-LPB.CNBK ngày 08/11/2022). Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:**

- Bà Lý Thị Mỹ

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay bà Lý Thị M đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, có địa chỉ tại: Số B, ngách A, ngõ E, đường V, xã T, huyện N, lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Hoàng Minh H

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Sĩ T**

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng B và bị đơn bà Lý Thị M, chị Hoàng Minh H có ký kết 03 Hợp đồng tín dụng gồm:

- **Khoản vay thứ nhất** theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017 với số tiền 200.000.000^d (*Hai trăm triệu đồng*). Thời hạn vay vốn 96 tháng, lãi suất cho vay: 12,35%/năm tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở.

- **Khoản vay thứ hai** theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017 với số tiền 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*). Thời hạn vay vốn 120 tháng, lãi suất cho vay: 11,25%/năm tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở.

Khoản vay thứ nhất và khoản vay thứ hai được đảm bảo bằng tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn K, xã T (nay là xã T) huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 650357 do UBND huyện B cấp cho ông Hoàng Sĩ T vào tháng 7 năm 2015.

- **Khoản vay thứ ba** theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 05/12/2017 với số tiền 430.000.000^d (*Bốn trăm ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay vốn: 48 tháng, lãi suất 7,69%/năm tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô.

Khoản vay thứ ba được bảo đảm bằng tài sản là chiếc 01 chiếc xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003528 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp 05/12/2017, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2017. Chủ sở hữu Hoàng Minh H, biển kiểm soát 97C-016.08, màu trắng, số chỗ ngồi: 03 chỗ, số khung: B1D7H MJ01365, số máy 133NG1001159. Tài sản này đã được xử lý để thu hồi nợ tuy nhiên không đủ trả hết nợ gốc lãi khoản vay. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do không trả được nợ theo cam kết nên các khoản vay của bà Lý Thị M và Hoàng Minh H đã bị chuyển thành nợ quá hạn kể từ thời điểm 09/4/2018.

Kể từ khi các khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà M và chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả, bà M và chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết.

Do đó Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị M và bà Hoàng Minh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền 762.853.813^d (*Bảy trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm mười ba đồng*). Cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017 với tổng số tiền 237.235.730 đồng. Trong đó: Nợ gốc 134.266.337

đồng, nợ lãi trong hạn 68.144.939 đồng, nợ lãi quá hạn 34.824.454 đồng và các khoản phí khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ26020171153 ngày 25/12/2017 với tổng số tiền 148.448.504 đồng. Trong đó: Nợ gốc 85.000.002 đồng, nợ lãi trong hạn 41.038.328 đồng, nợ lãi quá hạn 22.410.174 đồng và các khoản phí khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ

- Khoản vay thứ ba theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ26020171043 05/12/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 04/11/2022 là 377.169.579 đồng. Trong đó: Nợ gốc 150.456.114 đồng, nợ lãi trong hạn 73.574.184 đồng, nợ lãi quá hạn 153.139.281 đồng và các khoản phí khác theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 10/5/2023 bà M và chị H còn nợ Ngân hàng 804.911.483 đồng, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ2602017635 ngày 27/09/2017: Nợ gốc: 134.266.337 đồng; Nợ lãi trong hạn: 72.869.776 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 35.006.150 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 10.083.085 đồng.

- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ26020171153 ngày 25/12/2017: Nợ gốc: 85.000.002 đồng; Nợ lãi trong hạn: 44.513.935 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 16.142.579 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 11.992.824 đồng.

- Khoản vay thứ ba theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ26020171043 05/12/2017: Nợ gốc: 150.456.114 đồng; Nợ lãi trong hạn: 73.574.184 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 142.547.864 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 28.458.633 đồng.

Ngày 10/5/2023 giữa Ngân hàng TMCP B với chị Hoàng Minh H đã ký một biên bản thỏa thuận về việc thanh toán các khoản nợ tại ngân hàng. Sau khi ký biên bản thỏa thuận này thì bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ được toàn bộ số tiền nợ gốc của cả ba hợp đồng tín dụng đã ký và một phần tiền lãi. Tuy nhiên sau đó bà M và chị H không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án đến phiên tòa sơ thẩm ngày 24/6/2024 thì bà M và chị H đã trả được toàn bộ số tiền gốc là 369.722.453 đồng và 132.277.547 đồng tiền lãi cho cả 03 khoản vay. Ngân hàng yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H trả hết các khoản tiền còn nợ ngân hàng tổng cộng còn lại là 302.911.483 đồng.

Trường hợp bà Lý Thị M và bà Hoàng Minh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 650357, sổ vào sổ CH00240 do UBND huyện B cấp tháng 7/2015 cho ông Hoàng Sĩ T – sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H, tuy nhiên bà M và chị H đều vắng mặt. Hiện nay bà Lý Thị M đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan và chị H vắng mặt tại địa phương, bà M và chị H đều biết việc Ngân hàng TMCP B khởi kiện đòi nợ đối với các hợp đồng tín dụng mà bà M và chị H đã vay, tuy nhiên bà M và chị H cho rằng họ không có địa chỉ cư trú cố định nên không cung cấp địa chỉ cho tòa án và cũng không đến tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài đối với bà M và tiến hành niêm yết công khai tại địa chỉ cuối cùng của bà M và chị H. Ngày 20/3/2024 Tòa án nhận được đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H trong đó có nêu ý kiến:

Chị Hoàng Minh H: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập tôi lấy lời khai và tất cả những văn bản do Tòa án gửi tôi đều được anh trai tôi là Hoàng Sĩ T thông báo cho biết. Tuy nhiên hiện tại tôi đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy tôi viết giấy này đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt tôi. Tôi có được vay của Ngân hàng TMCP B chi nhánh tỉnh B 03 món vay do gặp khó khăn trong việc làm ăn nên chúng tôi có chậm trả lãi cho Ngân hàng tuy nhiên từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay chúng tôi đã cố gắng trả nợ cho Ngân hàng theo từng tháng do vậy kính mong Ngân hàng tạo điều kiện để chúng tôi có thể tiếp tục trả nợ theo từng tháng như hiện nay.

Bà Lý Thị M: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập tôi lấy lời khai và tất cả những văn bản do Tòa án gửi tôi đều được con trai tôi là Hoàng Sĩ T thông báo qua điện thoại cho biết. Tuy nhiên hiện tại tôi đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan không thể về nước để giải quyết vụ án được. Việc vay Ngân hàng chúng tôi đã cố gắng trả nợ theo từng tháng từ tháng 7 năm 2023 đến nay vẫn tiếp tục trả. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt tôi và xem xét đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để chúng tôi có thể tiếp tục trả nợ theo từng tháng như hiện nay.

Người có quyền lợi, quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Sĩ T trình bày:

Anh T biết việc vay nợ giữa Ngân hàng TMCP B với bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H. Anh T nhất trí sử dụng tài sản là nhà và đất để đảm bảo cho hai khoản vay có số Hợp đồng tín dụng HDTD 2602017635 và HDTD 26020171153. Còn khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HDTD 26020171043 thì được đảm bảo bằng xe ô tô có biển kiểm soát 97C- 01608 tên chủ sở hữu là Hoàng Minh H, hiện

nay chiếc xe đã được xử lý để được thu hồi nợ, không liên quan đến hai khoản vay trước. Sau khi ngân hàng khởi kiện thì trong khoảng thời gian tháng 5 năm 2023 em gái anh là Hoàng Minh H đã trả 400.000.000^d (Bốn trăm triệu đồng) cả gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP B và đồng thời giữa hai bên có sự thỏa thuận bằng biên bản làm việc ngày 10/5/2023. Tại biên bản thỏa thuận ngày 10/5/2023, Ngân hàng đã đồng ý cho gia đình anh trả lãi hàng tháng đối với số tiền còn lại. Từ tháng 6/2023 đến nay gia đình anh vẫn thực hiện trả lãi hàng tháng theo như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Việc thanh toán lãi hàng tháng do mẹ anh chuyển khoản trực tiếp cho anh Đình Đào T1 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện B Chi nhánh Ngân hàng Liên Việt tỉnh B. Tất cả những lần chuyển khoản thanh toán từng tháng anh đã cung cấp chứng từ hoặc hình ảnh cho Tòa án. Nay anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B và đề nghị Ngân hàng rút đơn khởi kiện để gia đình anh tiếp tục thực hiện trả tiền hàng tháng như thỏa thuận giữa hai bên ngày 10/5/2023 đối với các khoản nợ còn lại ở Ngân hàng TMCP B chi nhánh tỉnh B.

* Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 17 tháng 01 năm 2024 xác định:

Vị trí: Phần đất tranh chấp thuộc Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

+ Phía Đông giáp thửa đất của gia đình anh Hoàng Sĩ T

+ Phía Tây giáp đường quốc lộ 3.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 436 của ông Hoàng Văn C1

+ Phía Bắc giáp thửa 276 của chị Hoàng Minh H

Trong đó:

Đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc, chỉnh lý năm 2016 (tờ bản đồ số 62) xác định được như sau: thửa đất số 435, diện tích 143,8m², loại đất: Đất ở nông thôn (ONT) đứng tên trên bản đồ là Hoàng Văn T2, trong đó có 8m² nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông.

Diện tích đo thực tế: 130,1m² trong đó có 35,7m² nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông. Các đương sự xác định đây là tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà M và chị H tại Ngân hàng TMCP B chi nhánh tỉnh B theo Hợp đồng số HDTD2602017635 và Hợp đồng HDTD26020171153 và là thửa đất số 535, diện tích 137,5m², loại đất ở nông thôn (ONT) đã được UBND huyện B cấp GCNQSD đất vào tháng 7 năm 2015 cho anh Hoàng Sĩ T.

Về hiện trạng:

Trên đất tranh chấp có 01 khung nhà mái tôn, cột sắt diện tích 74,5m² và 01 nhà kho tường xây 10cm, nền bê tông, cửa nhôm kính, nhà kho có diện tích 8,4m²

* Tại kết luận định giá tài sản số 01 ngày 18/01/2024 của Hội đồng định giá kết luận:

1. Phần đất có giá trị như sau:

Lô đất theo diện tích đo thực tế là: 130,1m², trong đó 35,7m² đất trong chỉ giới hành lang ATGT= 130,1 x 2.700.000 đ/m² thành tiền 351.270.000 đồng.

2. Phân tài sản nằm trên đất có giá trị là:

- Lợp mái bằng tôn diện tích 13m x 5,2m = 67,7m² x 131.818^d thành tiền 8.924.078 đồng
- Diềm mái bằng tôn diện tích 13m x 0,3m = 3,9m² x 131.818^d thành tiền 514.090 đồng
- 08 thép ống D20mm dài 3m (1,4mm) = 18,4kg x 20.000^d thành tiền 368.000 đồng
- 07 xà gồ thép hộp 30x60 mm dài 13m (1,1mm) = 144,02kg x 20.000^d thành tiền 2.880.400 đồng
- 02 xà gồ thép hộp 20x20 mm dài 13m (1,1mm) = 25,15kg x 20.000^d thành tiền 503.000 đồng
- Vì kèo 04 cái được ghép từ thép hộp vuông 30x60mm
 - + 08 thép hộp vuông 30x60mm dài 5m (1,1mm) = 63kg x 20.000^d thành tiền 1.260.000 đồng
 - + 20 thép hộp vuông 20x40 mm dài 0,35m (1,1mm) = 6,9kg x 20.000^d thành tiền 138.000 đồng
- 01 nhà kho tường xây gạch chỉ (3,15+2,58)x2,5*0,11- (0,9x1,8x0,11) = 1,4m² x 1.650.512^d (đơn giá bồi thường giải phóng mặt bằng) thành tiền 2.310.716 đồng
- 01 cửa nhôm kính 1,62m² x 1.600.000^d thành tiền 2.592.000 đồng
- Láng nền sàn không đánh màu diện tích 130,1m² x 49.749^d thành tiền 6.472.344 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 376.949.411 đồng.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng TMCP B xác định trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H đã thanh toán được toàn bộ số tiền gốc và một phần số tiền lãi. Do đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải trả toàn bộ số tiền bao gồm tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn gốc còn lại theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2024) với tổng số tiền là 291.362.893^d (*Hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*), Bao gồm:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 57.514.185 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 25.006.150 đồng.
- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 29.824.440 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 344.688 đồng.

- Khoản vay thứ ba theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 05/12/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.759.917đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 140.913.513 đồng.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bà M và chị H phải trả đối với số tiền lãi quá hạn lãi là 11.548.590^d (*Mười một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi đồng*). Trong trường hợp bà M và chị H không trả được số tiền còn nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ thì Ngân hàng TMCP B sẽ phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Sĩ T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh T đề nghị Ngân hàng TMCP B cho gia đình anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết đã ký ngày 10/5/2023 đối với các khoản tiền còn nợ tại ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP B và bà Lý Thị M, chị Hoàng Minh H và anh Hoàng Sĩ T có ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tài sản cho các khoản vay tại ngân hàng, các hợp đồng này có nội dung và hình thức hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật do đó các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã ký. Trong quá trình thực hiện bà M và chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 09/4/2018. Ngày 10/5/2023 các bên có ký biên bản thỏa thuận về việc trả nợ, tuy nhiên bà M và chị H chỉ thực hiện việc thanh toán được toàn bộ tiền gốc và một phần số tiền lãi còn nợ, cũng không thực hiện việc trả nợ đúng như biên bản thỏa thuận đã ký. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải trả số tiền còn nợ bao gồm tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn gốc của 03 hợp đồng tín dụng với số tiền là 291.362.893^d (*Hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*) là có cơ sở. Trong trường hợp bà M và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ của 03 hợp đồng tín dụng thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn K, xã T (nay là xã T) huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 650357 do UBND huyện B cấp cho ông Hoàng Sĩ T vào tháng 7 năm 2015 là có căn cứ chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ lãi quá hạn lãi với số tiền là 11.548.590đồng.

Án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn bà Lý Thị M được xác định là đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hiện chưa có thông tin nhập cảnh xuất cảnh. Việc bà M ra nước ngoài trong thời gian thực hiện hợp đồng được coi là trường hợp đương sự thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch Hợp đồng mà không thông báo cho phía Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, căn cứ điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bà Lý Thị Mỹ tại Việt N1 và tiến hành ủy thác tư pháp theo địa chỉ Sở L cung cấp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay vẫn không nhận được một phản hồi nào từ bà Lý Thị M. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông đã ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết theo thẩm quyền và việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017, hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017, hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 ngày 05/12/2017, trong trường hợp bà M và chị H không trả được nợ yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[1.3] *Về thủ tục hòa giải và sự vắng mặt của bị đơn:* Các bị đơn vắng mặt không có địa chỉ cụ thể (cố tình giấu địa chỉ) nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207/BLTTDS.

[1.4] *Về sự vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa xét xử:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản của Tòa án cho bị đơn theo thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần trở lên nhưng các bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết

vụ án các bị đơn đều biết việc Ngân hàng TMCP B kiện đòi nợ và Tòa án đã trực tiếp yêu cầu anh Hoàng Sĩ T là con trai của bà M và anh trai của chị H yêu cầu cung cấp địa chỉ nhưng anh T cho biết bà M đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan không cung cấp địa chỉ cụ thể. Đối với chị H mặc dù đang sinh sống ở Việt Nam nhưng chị H cũng không cung cấp địa chỉ nơi sinh sống cụ thể. Anh T cũng đã thông báo cho bà M và chị H biết nội dung sự việc qua điện thoại. Bà M và chị H đều biết việc Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng bà M và chị H cũng không thực hiện các thủ tục tố tụng với Tòa án. Ngày 20/4/2024 anh T cung cấp 2 đơn xin xét xử vắng mặt của bà M và chị H nhưng không đủ căn cứ chứng minh 02 đơn xin xét xử vắng mặt này là của bà M và chị H viết gửi đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương, nơi các bị đơn cư trú cuối cùng theo quy định của pháp luật. Trường hợp vắng mặt của bà M và chị H thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo và từ chối cung cấp các tài liệu cần thiết. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H cũng đã được tòa án triệu tập hợp lệ hai lần trở lên và niêm yết giấy triệu tập tại nơi cư trú, nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Việc Ngân hàng TMCP B Chi nhánh tỉnh B cùng với bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H đã ký các hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017, hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017, hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 ngày 05/12/2017, theo đó bà M và chị H đã vay của Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 730.000.000 đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn K, xã T (nay là xã T) huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 650357 do UBND huyện B cấp cho ông Hoàng Sĩ T tháng 7 năm 2015 và 01 chiếc xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003528 do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp 05/12/2017, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2017, chủ sở hữu Hoàng Minh H, biển kiểm soát 97C-016.08, màu trắng, số chỗ ngồi: 03 chỗ, số khung: B1D7HMJ01365, số máy 133NG1001159.

Xét thấy hình thức, nội dung và mục đích vay của Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay giữa Ngân hàng TMCP B với bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H, anh Hoàng Sĩ T là vay với mục đích tiêu dùng, phù hợp với quy định của pháp luật là giao dịch dân sự hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Vì vậy sau khi Hợp đồng ký kết đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H không có mặt nhưng ông Hoàng Sĩ T và bà Lý Thị M, chị Hoàng Minh H đã thừa nhận

khoản nợ trên thông qua biên bản làm việc ngày 10/5/2023 và việc chuyển trả tiền của bà M và chị H theo thỏa thuận này. Sau khi được bên vay giải ngân số 730.000.000 đồng, bà M và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nói trên của bà M và chị H đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 09/4/2018. Mặt khác, việc bà M sau đó đã xuất cảnh ra nước ngoài và chị H đi lấy chồng không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm các cam kết mà hai bên đã thống nhất trong Hợp đồng. Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, trong trường hợp không có khả năng trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 721 Bộ luật dân sự 2005.

Tính đến ngày 10/5/2023 bà M và chị H còn nợ Ngân hàng 804.911.483 đồng, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017: Nợ gốc: 134.266.337 đồng; Nợ lãi trong hạn: 72.869.776 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 35.006.150 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 10.083.085 đồng.

- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017: Nợ gốc: 85.000.002 đồng; Nợ lãi trong hạn: 44.513.935 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 16.142.579 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 11.992.824 đồng.

- Khoản vay thứ ba theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 ngày 05/12/2017: Nợ gốc: 150.456.114 đồng; Nợ lãi trong hạn: 73.574.184 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 142.547.864 đồng; Nợ lãi quá hạn lãi: 28.458.633 đồng.

Ngày 10/5/2023 đại diện Ngân hàng TMCP B và chị Hoàng Minh H có ký một biên bản làm việc nội dung hai bên thỏa thuận: *“Nhất trí phương án bà Hoàng Thị H1 nộp 400.000.000đ để trả nợ cho bà Lý Thị M; Nhất trí phương án hàng tháng bà H1 trả 15.000.000đ vào ngày 15 hàng tháng; Nhất trí phương án tháng 7/2023 bà H1 nộp 100.000.000đ; Nhất trí đề xuất xin miễn giảm lãi của bà H1 và sẽ trình các cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ”*. Sau khi ký biên bản làm việc trên thì chị H1 và bà M đã trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền gốc của 03 hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên việc trả các khoản tiền cho Ngân hàng lại không thực hiện đúng như biên bản thỏa thuận đã ký kết là hàng tháng chị H1 phải trả 15.000.000đồng mà chỉ trả từ khoảng 11.000.000đồng đến 13.000.000đồng và cũng không thực hiện việc thỏa thuận đối với phương án tháng 7/2023 sẽ nộp thêm 100.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án đến phiên tòa sơ thẩm ngày 24/6/2024 thì bà M và chị H1 đã trả được toàn bộ số tiền gốc là 369.722.453 đồng và 132.277.547 đồng tiền lãi cho cả 03 khoản vay. Ngân hàng yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H trả hết các khoản vay tổng cộng còn lại là 291.362.893^d (Hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi

ba đồng) là có cơ sở. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bà M và chị H phải trả đối với số tiền lãi quá hạn lãi là 11.548.590^d (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến là đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để bị đơn trả lãi hàng tháng vì hiện nay phía bị đơn vẫn đang thực hiện việc trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên thời gian gần đây các bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho ngân hàng, biết việc ngân hàng khởi kiện đòi nợ nhưng cố tình giấu địa chỉ không liên hệ với Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên không có cơ sở để xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Sĩ T xác định từ khoảng tháng 5 năm 2023 đến nay, mẹ đẻ và em gái anh là bà M và chị H đã trả thêm được một khoản tiền cả gốc và lãi gồm 502.000.000đồng cho Ngân hàng B và đồng thời giữa hai bên có sự thỏa thuận bằng biên bản làm việc ngày 10/5/2023 và Ngân hàng đã đồng ý cho gia đình anh trả lãi hàng tháng. Từ thời điểm tháng 6 năm 2023 đến nay gia đình anh vẫn thực hiện trả lãi hàng tháng theo như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Việc thanh toán lãi hàng tháng do mẹ anh chuyển khoản trực tiếp cho anh Đinh Đào T1 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện B Chi nhánh Ngân hàng Liên Việt tỉnh B. Tất cả những lần chuyển khoản thanh toán từng tháng anh đã cung cấp biên lai, bản ảnh cho Tòa án nên anh không nhất trí yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đề nghị ngân hàng cho gia đình anh tiếp tục thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận, không phát mại tài sản đảm bảo.

Đối với biên bản làm việc ngày 10/5/2023 Ngân hàng xác định không phải là phụ lục Hợp đồng mà chỉ là biên bản làm việc thống nhất về việc trả nợ giữa hai bên khi có nợ quá hạn, tạo điều kiện cho bên vay được trả nợ. Phía bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định có các khoản vay trên và đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để cho trả lãi theo từng tháng và cũng thừa nhận việc trả nợ không theo thỏa thuận thông qua các biên lai đã nộp cho Tòa án, đồng thời tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo tài sản đều cam kết nếu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các hợp đồng tín dụng thì sẽ phát mại tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các món vay cùng thời điểm. Do đó, nếu bà M, chị H không thực hiện việc thanh toán các khoản vay trên tại Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B sẽ phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thôn K, xã T (nay là xã T) huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 650357 do UBND huyện B cấp cho ông Hoàng Sĩ T vào tháng 7 năm 2015.

Từ những phân tích, nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn với số tiền là 291.362.893^d (Hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng), nếu

không trả được số tiền trên hoặc trả không đủ thì phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí:

Bị đơn bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.250.000^d (*Mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000565 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

[3.2] Về chi phí tố tụng:

Bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 548.000 đồng và 7.200.000 đồng chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP B đã nộp đủ tạm ứng chi phí tố tụng này vì vậy buộc bà M và chị H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên với tổng số tiền: 7.748.000đ (*Bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 153, Điều 154, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 465, 466, 468, 500, 503/ Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc các bị đơn bà Lý Thị M, chị Hoàng Minh H phải có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền: 291.362.893^d (*Hai trăm chín mươi một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng*) (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/6/2024), cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2602017635 ngày 27/09/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 57.514.185 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 25.006.150 đồng.

- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171153 ngày 25/12/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 29.824.440 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 344.688 đồng.

- Khoản vay thứ ba theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26020171043 05/12/2017: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.759.917 đồng; Nợ lãi quá hạn gốc: 140.913.513 đồng.

Trong trường hợp bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 650357, số vào sổ CH00240 do UBND huyện B cấp tháng 7/2015 cho ông Hoàng Sĩ T – sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của bên vay theo các hợp đồng tín dụng, nếu dư Ngân hàng sẽ phải thanh toán lại cho bên thế chấp. Nếu thiếu bên vay phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn thiếu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi xuất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng cho vay.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP B đối với phần yêu cầu bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải trả đối với số tiền lãi quá hạn lãi là 11.548.590^d (*Mười một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi đồng*).

[3]. Về chi phí tố tụng:

[3.1]. Bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 548.000 đồng và chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.200.000 đồng với tổng số tiền là 7.748.000^d (*Bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Ngân hàng TMCP B đã nộp toàn bộ số tiền này. Bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền: 7.748.000^d (*Bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357/BLDS.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

[4]. Về án phí:

[4.1]. Buộc bà Lý Thị M và chị Hoàng Minh H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 14.568.144 đồng.

[4.2]. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.250.000^d (Mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000565 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn (02);
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn
- (Khi có hiệu lực);
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu HCTP (03)
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN T**

Đàm Thị Minh Hương